

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh và cấp bổ sung mã định danh điện tử  
cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 618/NQ-HĐND ngày 26/2/2025 của Hội đồng nhân dân về sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ ngành, địa phương; số 09/2025/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1573/TTr-SKHCN ngày 27/6/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh và cấp bổ sung mã định danh điện tử cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu (theo phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Mã định danh điện tử theo Điều 1 Quyết định này phục vụ kết nối, chia sẻ

dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành Trung ương, địa phương khác.

## 2. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện. Trong trường hợp tách, nhập, thêm, bớt, đổi tên, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân tỉnh xem xét, quyết định.

- Chủ động thực hiện việc cấp mã định danh điện tử cấp 3, cấp 4 cho các cơ quan, đơn vị và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về quản lý mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này điều chỉnh và cấp bổ sung mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4 QĐ;
- Các Bộ, ngành Trung ương (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- UBND tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương (để biết);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- BCĐ cấp tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (để b/c);
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CNXDKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**Phụ lục: Danh sách mã định danh điện tử của các cơ quan đơn vị  
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**  
(Kèm theo Quyết định số:     /QĐ-UBND ngày     /     /2025 của UBND tỉnh)

**1. Danh sách mã định danh điện tử cấp 2**

| STT                              | Mã định danh<br>điện tử | Tên cơ quan, đơn vị<br>trên địa bàn tỉnh | Ghi chú    |
|----------------------------------|-------------------------|------------------------------------------|------------|
| <b>I. Các sở, ngành cấp tỉnh</b> |                         |                                          |            |
| 1                                | H56.12                  | Sở Tài chính                             | Điều chỉnh |
| 2                                | H56.17                  | Sở Xây dựng                              | Điều chỉnh |
| 3                                | H56.07                  | Sở Khoa học và Công nghệ                 | Điều chỉnh |
| 4                                | H56.71                  | Sở Nông nghiệp và Môi trường             | Điều chỉnh |
| 5                                | H56.02                  | Sở Dân tộc và Tôn giáo                   | Điều chỉnh |
| <b>II. UBND các xã, phường</b>   |                         |                                          |            |
| 1                                | H56.101                 | UBND Phường Hạc Thành                    | Cấp mới    |
| 2                                | H56.102                 | UBND Phường Quảng Phú                    | Cấp mới    |
| 3                                | H56.103                 | UBND Phường Đông Quang                   | Cấp mới    |
| 4                                | H56.104                 | UBND Phường Đông Sơn                     | Cấp mới    |
| 5                                | H56.105                 | UBND Phường Đông Tiến                    | Cấp mới    |
| 6                                | H56.106                 | UBND Phường Hàm Rồng                     | Cấp mới    |
| 7                                | H56.107                 | UBND Phường Nguyệt Viên                  | Cấp mới    |
| 8                                | H56.108                 | UBND Phường Sầm Sơn                      | Cấp mới    |
| 9                                | H56.109                 | UBND Phường Nam Sầm Sơn                  | Cấp mới    |
| 10                               | H56.110                 | UBND Phường Bim Sơn                      | Cấp mới    |
| 11                               | H56.111                 | UBND Phường Quang Trung                  | Cấp mới    |
| 12                               | H56.112                 | UBND Phường Ngọc Sơn                     | Cấp mới    |
| 13                               | H56.113                 | UBND Phường Tân Dân                      | Cấp mới    |
| 14                               | H56.114                 | UBND Phường Hải Lĩnh                     | Cấp mới    |
| 15                               | H56.115                 | UBND Phường Tĩnh Gia                     | Cấp mới    |
| 16                               | H56.116                 | UBND Phường Đào Duy Từ                   | Cấp mới    |
| 17                               | H56.117                 | UBND Phường Hải Bình                     | Cấp mới    |
| 18                               | H56.118                 | UBND Phường Trúc Lâm                     | Cấp mới    |
| 19                               | H56.119                 | UBND Phường Nghi Sơn                     | Cấp mới    |
| 20                               | H56.120                 | UBND xã Các Sơn                          | Cấp mới    |
| 21                               | H56.121                 | UBND xã Trường Lâm                       | Cấp mới    |
| 22                               | H56.122                 | UBND xã Hà Trung                         | Cấp mới    |
| 23                               | H56.123                 | UBND xã Tống Sơn                         | Cấp mới    |

| STT | Mã định danh<br>điện tử | Tên cơ quan, đơn vị<br>trên địa bàn tỉnh | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------------------------------------------|---------|
| 24  | H56.124                 | UBND xã Hà Long                          | Cấp mới |
| 25  | H56.125                 | UBND xã Hoạt Giang                       | Cấp mới |
| 26  | H56.126                 | UBND xã Lĩnh Toại                        | Cấp mới |
| 27  | H56.127                 | UBND xã Triệu Lộc                        | Cấp mới |
| 28  | H56.128                 | UBND xã Đông Thành                       | Cấp mới |
| 29  | H56.129                 | UBND xã Hậu Lộc                          | Cấp mới |
| 30  | H56.130                 | UBND xã Hoa Lộc                          | Cấp mới |
| 31  | H56.131                 | UBND xã Vạn Lộc                          | Cấp mới |
| 32  | H56.132                 | UBND xã Nga Sơn                          | Cấp mới |
| 33  | H56.133                 | UBND xã Nga Thắng                        | Cấp mới |
| 34  | H56.134                 | UBND xã Hồ Vương                         | Cấp mới |
| 35  | H56.135                 | UBND xã Tân Tiến                         | Cấp mới |
| 36  | H56.136                 | UBND xã Nga An                           | Cấp mới |
| 37  | H56.137                 | UBND xã Ba Đình                          | Cấp mới |
| 38  | H56.138                 | UBND xã Hoằng Hóa                        | Cấp mới |
| 39  | H56.139                 | UBND xã Hoằng Tiến                       | Cấp mới |
| 40  | H56.140                 | UBND xã Hoằng Thanh                      | Cấp mới |
| 41  | H56.141                 | UBND xã Hoằng Lộc                        | Cấp mới |
| 42  | H56.142                 | UBND xã Hoằng Châu                       | Cấp mới |
| 43  | H56.143                 | UBND xã Hoằng Sơn                        | Cấp mới |
| 44  | H56.144                 | UBND xã Hoằng Phú                        | Cấp mới |
| 45  | H56.145                 | UBND xã Hoằng Giang                      | Cấp mới |
| 46  | H56.146                 | UBND xã Lưu Vệ                           | Cấp mới |
| 47  | H56.147                 | UBND xã Quảng Yên                        | Cấp mới |
| 48  | H56.148                 | UBND xã Quảng Ngọc                       | Cấp mới |
| 49  | H56.149                 | UBND xã Quảng Ninh                       | Cấp mới |
| 50  | H56.150                 | UBND xã Quảng Bình                       | Cấp mới |
| 51  | H56.151                 | UBND xã Tiên Trang                       | Cấp mới |
| 52  | H56.152                 | UBND xã Quảng Chính                      | Cấp mới |
| 53  | H56.153                 | UBND xã Nông Cống                        | Cấp mới |
| 54  | H56.154                 | UBND xã Thắng Lợi                        | Cấp mới |
| 55  | H56.155                 | UBND xã Trung Chính                      | Cấp mới |
| 56  | H56.156                 | UBND xã Trường Văn                       | Cấp mới |
| 57  | H56.157                 | UBND xã Thăng Bình                       | Cấp mới |
| 58  | H56.158                 | UBND xã Tượng Lĩnh                       | Cấp mới |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 59         | H56.159                         | UBND xã Công Chính                               | Cấp mới        |
| 60         | H56.160                         | UBND xã Thiệu Hóa                                | Cấp mới        |
| 61         | H56.161                         | UBND xã Thiệu Quang                              | Cấp mới        |
| 62         | H56.162                         | UBND xã Thiệu Tiến                               | Cấp mới        |
| 63         | H56.163                         | UBND xã Thiệu Toán                               | Cấp mới        |
| 64         | H56.164                         | UBND xã Thiệu Trung                              | Cấp mới        |
| 65         | H56.165                         | UBND xã Yên Định                                 | Cấp mới        |
| 66         | H56.166                         | UBND xã Yên Trường                               | Cấp mới        |
| 67         | H56.167                         | UBND xã Yên Phú                                  | Cấp mới        |
| 68         | H56.168                         | UBND xã Quý Lộc                                  | Cấp mới        |
| 69         | H56.169                         | UBND xã Yên Ninh                                 | Cấp mới        |
| 70         | H56.170                         | UBND xã Định Tân                                 | Cấp mới        |
| 71         | H56.171                         | UBND xã Định Hòa                                 | Cấp mới        |
| 72         | H56.172                         | UBND xã Thọ Xuân                                 | Cấp mới        |
| 73         | H56.173                         | UBND xã Thọ Long                                 | Cấp mới        |
| 74         | H56.174                         | UBND xã Xuân Hòa                                 | Cấp mới        |
| 75         | H56.175                         | UBND xã Sao Vàng                                 | Cấp mới        |
| 76         | H56.176                         | UBND xã Lam Sơn                                  | Cấp mới        |
| 77         | H56.177                         | UBND xã Thọ Lập                                  | Cấp mới        |
| 78         | H56.178                         | UBND xã Xuân Tín                                 | Cấp mới        |
| 79         | H56.179                         | UBND xã Xuân Lập                                 | Cấp mới        |
| 80         | H56.180                         | UBND xã Vĩnh Lộc                                 | Cấp mới        |
| 81         | H56.181                         | UBND xã Tây Đô                                   | Cấp mới        |
| 82         | H56.182                         | UBND xã Biện Thượng                              | Cấp mới        |
| 83         | H56.183                         | UBND xã Triệu Sơn                                | Cấp mới        |
| 84         | H56.184                         | UBND xã Thọ Bình                                 | Cấp mới        |
| 85         | H56.185                         | UBND xã Thọ Ngọc                                 | Cấp mới        |
| 86         | H56.186                         | UBND xã Thọ Phú                                  | Cấp mới        |
| 87         | H56.187                         | UBND xã Hợp Tiến                                 | Cấp mới        |
| 88         | H56.188                         | UBND xã An Nông                                  | Cấp mới        |
| 89         | H56.189                         | UBND xã Tân Ninh                                 | Cấp mới        |
| 90         | H56.190                         | UBND xã Đồng Tiến                                | Cấp mới        |
| 91         | H56.191                         | UBND xã Mường Chanh                              | Cấp mới        |
| 92         | H56.192                         | UBND xã Quang Chiêu                              | Cấp mới        |
| 93         | H56.193                         | UBND xã Tam Chung                                | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 94         | H56.194                         | UBND xã Mường Lát                                | Cấp mới        |
| 95         | H56.195                         | UBND xã Pù Nhi                                   | Cấp mới        |
| 96         | H56.196                         | UBND xã Nhi Sơn                                  | Cấp mới        |
| 97         | H56.197                         | UBND xã Mường Lý                                 | Cấp mới        |
| 98         | H56.198                         | UBND xã Trung Lý                                 | Cấp mới        |
| 99         | H56.199                         | UBND xã Hồi Xuân                                 | Cấp mới        |
| 100        | H56.200                         | UBND xã Nam Xuân                                 | Cấp mới        |
| 101        | H56.201                         | UBND xã Thiên Phủ                                | Cấp mới        |
| 102        | H56.202                         | UBND xã Hiền Kiệt                                | Cấp mới        |
| 103        | H56.203                         | UBND xã Phú Xuân                                 | Cấp mới        |
| 104        | H56.204                         | UBND xã Phú Lệ                                   | Cấp mới        |
| 105        | H56.205                         | UBND xã Trung Thành                              | Cấp mới        |
| 106        | H56.206                         | UBND xã Trung Sơn                                | Cấp mới        |
| 107        | H56.207                         | UBND xã Na Mèo                                   | Cấp mới        |
| 108        | H56.208                         | UBND xã Sơn Thủy                                 | Cấp mới        |
| 109        | H56.209                         | UBND xã Sơn Điện                                 | Cấp mới        |
| 110        | H56.210                         | UBND xã Mường Mìn                                | Cấp mới        |
| 111        | H56.211                         | UBND xã Tam Thanh                                | Cấp mới        |
| 112        | H56.212                         | UBND xã Tam Lư                                   | Cấp mới        |
| 113        | H56.213                         | UBND xã Quan Sơn                                 | Cấp mới        |
| 114        | H56.214                         | UBND xã Trung Hạ                                 | Cấp mới        |
| 115        | H56.215                         | UBND xã Linh Sơn                                 | Cấp mới        |
| 116        | H56.216                         | UBND xã Đồng Lương                               | Cấp mới        |
| 117        | H56.217                         | UBND xã Văn Phú                                  | Cấp mới        |
| 118        | H56.218                         | UBND xã Giao An                                  | Cấp mới        |
| 119        | H56.219                         | UBND xã Yên Khương                               | Cấp mới        |
| 120        | H56.220                         | UBND xã Yên Thắng                                | Cấp mới        |
| 121        | H56.221                         | UBND xã Văn Nho                                  | Cấp mới        |
| 122        | H56.222                         | UBND xã Thiết Ống                                | Cấp mới        |
| 123        | H56.223                         | UBND xã Bá Thước                                 | Cấp mới        |
| 124        | H56.224                         | UBND xã Cổ Lũng                                  | Cấp mới        |
| 125        | H56.225                         | UBND xã Pù Luông                                 | Cấp mới        |
| 126        | H56.226                         | UBND xã Điền Lư                                  | Cấp mới        |
| 127        | H56.227                         | UBND xã Điền Quang                               | Cấp mới        |
| 128        | H56.228                         | UBND xã Quý Lương                                | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 129        | H56.229                         | UBND xã Ngọc Lặc                                 | Cấp mới        |
| 130        | H56.230                         | UBND xã Thạch Lập                                | Cấp mới        |
| 131        | H56.231                         | UBND xã Ngọc Liên                                | Cấp mới        |
| 132        | H56.232                         | UBND xã Minh Sơn                                 | Cấp mới        |
| 133        | H56.233                         | UBND xã Nguyệt Ấn                                | Cấp mới        |
| 134        | H56.234                         | UBND xã Kiên Thọ                                 | Cấp mới        |
| 135        | H56.235                         | UBND xã Cẩm Thạch                                | Cấp mới        |
| 136        | H56.236                         | UBND xã Cẩm Thủy                                 | Cấp mới        |
| 137        | H56.237                         | UBND xã Cẩm Tú                                   | Cấp mới        |
| 138        | H56.238                         | UBND xã Cẩm Vân                                  | Cấp mới        |
| 139        | H56.239                         | UBND xã Cẩm Tân                                  | Cấp mới        |
| 140        | H56.240                         | UBND xã Kim Tân                                  | Cấp mới        |
| 141        | H56.241                         | UBND xã Vân Du                                   | Cấp mới        |
| 142        | H56.242                         | UBND xã Ngọc Trạo                                | Cấp mới        |
| 143        | H56.243                         | UBND xã Thạch Bình                               | Cấp mới        |
| 144        | H56.244                         | UBND xã Thành Vinh                               | Cấp mới        |
| 145        | H56.245                         | UBND xã Thạch Quảng                              | Cấp mới        |
| 146        | H56.246                         | UBND xã Như Xuân                                 | Cấp mới        |
| 147        | H56.247                         | UBND xã Thượng Ninh                              | Cấp mới        |
| 148        | H56.248                         | UBND xã Xuân Bình                                | Cấp mới        |
| 149        | H56.249                         | UBND xã Hóa Quỳ                                  | Cấp mới        |
| 150        | H56.250                         | UBND xã Thanh Quân                               | Cấp mới        |
| 151        | H56.251                         | UBND xã Thanh Phong                              | Cấp mới        |
| 152        | H56.252                         | UBND xã Xuân Du                                  | Cấp mới        |
| 153        | H56.253                         | UBND xã Mậu Lâm                                  | Cấp mới        |
| 154        | H56.254                         | UBND xã Như Thanh                                | Cấp mới        |
| 155        | H56.255                         | UBND xã Yên Thọ                                  | Cấp mới        |
| 156        | H56.256                         | UBND xã Xuân Thái                                | Cấp mới        |
| 157        | H56.257                         | UBND xã Thanh Kỳ                                 | Cấp mới        |
| 158        | H56.258                         | UBND xã Bát Mọt                                  | Cấp mới        |
| 159        | H56.259                         | UBND xã Yên Nhân                                 | Cấp mới        |
| 160        | H56.260                         | UBND xã Lương Sơn                                | Cấp mới        |
| 161        | H56.261                         | UBND xã Thường Xuân                              | Cấp mới        |
| 162        | H56.262                         | UBND xã Luận Thành                               | Cấp mới        |
| 163        | H56.263                         | UBND xã Tân Thành                                | Cấp mới        |

| STT | Mã định danh điện tử | Tên cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------------------------------|---------|
| 164 | H56.264              | UBND xã Vạn Xuân                      | Cấp mới |
| 165 | H56.265              | UBND xã Thắng Lợi                     | Cấp mới |
| 166 | H56.266              | UBND xã Xuân Chinh                    | Cấp mới |

## 2. Danh sách mã định danh điện tử cấp 3

| STT | Mã định danh điện tử | Tên cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh | Ghi chú |
|-----|----------------------|---------------------------------------|---------|
| 1   | H56.101              | UBND Phường Hạc Thành                 |         |
| 1.1 | H56.101.01           | Văn phòng HĐND và UBND                | Cấp mới |
| 1.2 | H56.101.02           | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị      | Cấp mới |
| 1.3 | H56.101.03           | Phòng Văn hóa - Xã hội                | Cấp mới |
| 1.4 | H56.101.04           | Trung tâm Phục vụ Hành chính công     | Cấp mới |
| 2   | H56.102              | UBND Phường Quảng Phú                 |         |
| 2.1 | H56.102.01           | Văn phòng HĐND và UBND                | Cấp mới |
| 2.2 | H56.102.02           | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị      | Cấp mới |
| 2.3 | H56.102.03           | Phòng Văn hóa - Xã hội                | Cấp mới |
| 2.4 | H56.102.04           | Trung tâm Phục vụ Hành chính công     | Cấp mới |
| 3   | H56.103              | UBND Phường Đông Quang                |         |
| 3.1 | H56.103.01           | Văn phòng HĐND và UBND                | Cấp mới |
| 3.2 | H56.103.02           | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị      | Cấp mới |
| 3.3 | H56.103.03           | Phòng Văn hóa - Xã hội                | Cấp mới |
| 3.4 | H56.103.04           | Trung tâm Phục vụ Hành chính công     | Cấp mới |
| 4   | H56.104              | UBND Phường Đông Sơn                  |         |
| 4.1 | H56.104.01           | Văn phòng HĐND và UBND                | Cấp mới |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 4.2        | H56.104.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 4.3        | H56.104.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 4.4        | H56.104.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 5          | H56.105                         | UBND Phường Đông Tiến                            |                |
| 5.1        | H56.105.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 5.2        | H56.105.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 5.3        | H56.105.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 5.4        | H56.105.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 6          | H56.106                         | UBND Phường Hàm Rồng                             |                |
| 6.1        | H56.106.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 6.2        | H56.106.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 6.3        | H56.106.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 6.4        | H56.106.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 7          | H56.107                         | UBND Phường Nguyệt Viên                          |                |
| 7.1        | H56.107.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 7.2        | H56.107.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 7.3        | H56.107.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 7.4        | H56.107.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 8          | H56.108                         | UBND Phường Sầm Sơn                              |                |
| 8.1        | H56.108.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 8.2        | H56.108.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 8.3        | H56.108.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 8.4        | H56.108.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 9          | H56.109                         | UBND Phường Nam Sầm Sơn                          |                |
| 9.1        | H56.109.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 9.2        | H56.109.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 9.3        | H56.109.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 9.4        | H56.109.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 10         | H56.110                         | UBND Phường Bím Sơn                              |                |
| 10.1       | H56.110.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 10.2       | H56.110.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 10.3       | H56.110.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 10.4       | H56.110.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 11         | H56.111                         | UBND Phường Quang Trung                          |                |
| 11.1       | H56.111.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 11.2       | H56.111.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 11.3       | H56.111.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 11.4       | H56.111.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 12         | H56.112                         | UBND Phường Ngọc Sơn                             |                |
| 12.1       | H56.112.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 12.2       | H56.112.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 12.3       | H56.112.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 12.4       | H56.112.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 13         | H56.113                         | UBND Phường Tân Dân                              |                |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 13.1       | H56.113.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 13.2       | H56.113.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 13.3       | H56.113.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 13.4       | H56.113.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 14         | H56.114                         | UBND Phường Hải Lĩnh                             |                |
| 14.1       | H56.114.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 14.2       | H56.114.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 14.3       | H56.114.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 14.4       | H56.114.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 15         | H56.115                         | UBND Phường Tĩnh Gia                             |                |
| 15.1       | H56.115.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 15.2       | H56.115.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 15.3       | H56.115.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 15.4       | H56.115.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 16         | H56.116                         | UBND Phường Đào Duy Từ                           |                |
| 16.1       | H56.116.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 16.2       | H56.116.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 16.3       | H56.116.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 16.4       | H56.116.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 17         | H56.117                         | UBND Phường Hải Bình                             |                |
| 17.1       | H56.117.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 17.2       | H56.117.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 17.3       | H56.117.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 17.4       | H56.117.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 18         | H56.118                         | UBND Phường Trúc Lâm                             |                |
| 18.1       | H56.118.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 18.2       | H56.118.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 18.3       | H56.118.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 18.4       | H56.118.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 19         | H56.119                         | UBND Phường Nghi Sơn                             |                |
| 19.1       | H56.119.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 19.2       | H56.119.02                      | Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị                 | Cấp mới        |
| 19.3       | H56.119.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 19.4       | H56.119.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 20         | H56.120                         | UBND Xã Các Sơn                                  |                |
| 20.1       | H56.120.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 20.2       | H56.120.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 20.3       | H56.120.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 20.4       | H56.120.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 21         | H56.121                         | UBND Xã Trường Lâm                               |                |
| 21.1       | H56.121.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 21.2       | H56.121.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 21.3       | H56.121.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 21.4       | H56.121.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 22         | H56.122                         | UBND Xã Hà Trung                                 |                |
| 22.1       | H56.122.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 22.2       | H56.122.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 22.3       | H56.122.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 22.4       | H56.122.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 23         | H56.123                         | UBND Xã Tống Sơn                                 |                |
| 23.1       | H56.123.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 23.2       | H56.123.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 23.3       | H56.123.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 23.4       | H56.123.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 24         | H56.124                         | UBND Xã Hà Long                                  |                |
| 24.1       | H56.124.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 24.2       | H56.124.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 24.3       | H56.124.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 24.4       | H56.124.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 25         | H56.125                         | UBND Xã Hoạt Giang                               |                |
| 25.1       | H56.125.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 25.2       | H56.125.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 25.3       | H56.125.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 25.4       | H56.125.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 26         | H56.126                         | UBND Xã Lĩnh Toại                                |                |
| 26.1       | H56.126.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 26.2       | H56.126.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 26.3       | H56.126.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 26.4       | H56.126.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 27         | H56.127                         | UBND Xã Triệu Lộc                                |                |
| 27.1       | H56.127.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 27.2       | H56.127.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 27.3       | H56.127.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 27.4       | H56.127.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 28         | H56.128                         | UBND Xã Đông Thành                               |                |
| 28.1       | H56.128.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 28.2       | H56.128.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 28.3       | H56.128.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 28.4       | H56.128.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 29         | H56.129                         | UBND Xã Hậu Lộc                                  |                |
| 29.1       | H56.129.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 29.2       | H56.129.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 29.3       | H56.129.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 29.4       | H56.129.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 30         | H56.130                         | UBND Xã Hoa Lộc                                  |                |
| 30.1       | H56.130.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 30.2       | H56.130.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 30.3       | H56.130.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 30.4       | H56.130.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 31         | H56.131                         | UBND Xã Vạn Lộc                                  |                |
| 31.1       | H56.131.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 31.2       | H56.131.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 31.3       | H56.131.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 31.4       | H56.131.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 32         | H56.132                         | UBND Xã Nga Sơn                                  |                |
| 32.1       | H56.132.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 32.2       | H56.132.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 32.3       | H56.132.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 32.4       | H56.132.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 33         | H56.133                         | UBND Xã Nga Thắng                                |                |
| 33.1       | H56.133.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 33.2       | H56.133.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 33.3       | H56.133.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 33.4       | H56.133.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 34         | H56.134                         | UBND Xã Hồ Vương                                 |                |
| 34.1       | H56.134.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 34.2       | H56.134.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 34.3       | H56.134.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 34.4       | H56.134.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 35         | H56.135                         | UBND Xã Tân Tiến                                 |                |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 35.1       | H56.135.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 35.2       | H56.135.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 35.3       | H56.135.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 35.4       | H56.135.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 36         | H56.136                         | UBND Xã Nga An                                   |                |
| 36.1       | H56.136.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 36.2       | H56.136.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 36.3       | H56.136.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 36.4       | H56.136.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 37         | H56.137                         | UBND Xã Ba Đình                                  |                |
| 37.1       | H56.137.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 37.2       | H56.137.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 37.3       | H56.137.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 37.4       | H56.137.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 38         | H56.138                         | UBND Xã Hoằng Hóa                                |                |
| 38.1       | H56.138.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 38.2       | H56.138.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 38.3       | H56.138.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 38.4       | H56.138.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 39         | H56.139                         | UBND Xã Hoằng Tiến                               |                |
| 39.1       | H56.139.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 39.2       | H56.139.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 39.3       | H56.139.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 39.4       | H56.139.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 40         | H56.140                         | UBND Xã Hoằng Thanh                              |                |
| 40.1       | H56.140.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 40.2       | H56.140.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 40.3       | H56.140.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 40.4       | H56.140.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 41         | H56.141                         | UBND Xã Hoằng Lộc                                |                |
| 41.1       | H56.141.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 41.2       | H56.141.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 41.3       | H56.141.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 44.4       | H56.141.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 42         | H56.142                         | UBND Xã Hoằng Châu                               |                |
| 42.1       | H56.142.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 42.2       | H56.142.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 42.3       | H56.142.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 42.4       | H56.142.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 43         | H56.143                         | UBND Xã Hoằng Sơn                                |                |
| 43.1       | H56.143.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 43.2       | H56.143.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 43.3       | H56.143.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 43.4       | H56.143.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 44         | H56.144                         | UBND Xã Hoằng Phú                                |                |
| 44.1       | H56.144.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 44.2       | H56.144.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 44.3       | H56.144.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 44.4       | H56.144.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 45         | H56.145                         | UBND Xã Hoằng Giang                              |                |
| 45.1       | H56.145.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 45.2       | H56.145.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 45.3       | H56.145.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 45.5       | H56.145.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 46         | H56.146                         | UBND Xã Lưu Vệ                                   |                |
| 46.1       | H56.146.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 46.2       | H56.146.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 46.3       | H56.146.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 46.4       | H56.146.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 47         | H56.147                         | UBND Xã Quảng Yên                                |                |
| 47.1       | H56.147.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 47.2       | H56.147.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 47.3       | H56.147.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 47.4       | H56.147.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 48         | H56.148                         | UBND Xã Quảng Ngọc                               |                |
| 48.1       | H56.148.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 48.2       | H56.148.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 48.3       | H56.148.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 48.4       | H56.148.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 49         | H56.149                         | UBND Xã Quảng Ninh                               |                |
| 49.1       | H56.149.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 49.2       | H56.149.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 49.3       | H56.149.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 49.4       | H56.149.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 50         | H56.150                         | UBND Xã Quảng Bình                               |                |
| 50.1       | H56.150.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 50.2       | H56.150.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 50.3       | H56.150.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 50.4       | H56.150.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 51         | H56.151                         | UBND Xã Tiên Trang                               |                |
| 51.1       | H56.151.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 51.2       | H56.151.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 51.3       | H56.151.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 51.4       | H56.151.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 52         | H56.152                         | UBND Xã Quảng Chính                              |                |
| 52.1       | H56.152.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 52.2       | H56.152.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 52.3       | H56.152.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 52.4       | H56.152.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 53         | H56.153                         | UBND Xã Nông Công                                |                |
| 53.1       | H56.153.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 53.2       | H56.153.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 53.3       | H56.153.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 53.4       | H56.153.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 54         | H56.154                         | UBND Xã Thắng Lợi                                |                |
| 54.1       | H56.154.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 54.2       | H56.154.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 54.3       | H56.154.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 54.4       | H56.154.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 55         | H56.155                         | UBND Xã Trung Chính                              |                |
| 55.1       | H56.155.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 55.2       | H56.155.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 55.3       | H56.155.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 55.4       | H56.155.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 56         | H56.156                         | UBND Xã Trường Văn                               |                |
| 56.1       | H56.156.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 56.2       | H56.156.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 56.3       | H56.156.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 56.4       | H56.156.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 57         | H56.157                         | UBND Xã Thắng Bình                               |                |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 57.1       | H56.157.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 57.2       | H56.157.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 57.3       | H56.157.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 57.4       | H56.157.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 58         | H56.158                         | UBND Xã Tượng Lĩnh                               |                |
| 58.1       | H56.158.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 58.2       | H56.158.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 58.3       | H56.158.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 58.4       | H56.158.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 59         | H56.159                         | UBND Xã Công Chính                               |                |
| 59.1       | H56.159.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 59.2       | H56.159.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 59.3       | H56.159.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 59.4       | H56.159.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 60         | H56.160                         | UBND Xã Thiệu Hóa                                |                |
| 60.1       | H56.160.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 60.2       | H56.160.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 60.3       | H56.160.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 60.4       | H56.160.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 61         | H56.161                         | UBND Xã Thiệu Quang                              |                |
| 61.1       | H56.161.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 61.2       | H56.161.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 61.3       | H56.161.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 61.4       | H56.161.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 62         | H56.162                         | UBND Xã Thiệu Tiến                               |                |
| 62.1       | H56.162.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 62.2       | H56.162.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 62.3       | H56.162.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 62.4       | H56.162.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 63         | H56.163                         | UBND Xã Thiệu Toán                               |                |
| 63.1       | H56.163.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 63.2       | H56.163.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 63.3       | H56.163.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 63.4       | H56.163.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 64         | H56.164                         | UBND Xã Thiệu Trung                              |                |
| 64.1       | H56.164.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 64.2       | H56.164.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 64.3       | H56.164.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 64.4       | H56.164.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 65         | H56.165                         | UBND Xã Yên Định                                 |                |
| 65.1       | H56.165.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 65.2       | H56.165.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 65.3       | H56.165.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 65.4       | H56.165.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 66         | H56.166                         | UBND Xã Yên Trường                               |                |
| 66.1       | H56.166.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 66.2       | H56.166.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 66.3       | H56.166.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 66.4       | H56.166.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 67         | H56.167                         | UBND Xã Yên Phú                                  |                |
| 67.1       | H56.167.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 67.2       | H56.167.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 67.3       | H56.167.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 67.4       | H56.167.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 68         | H56.168                         | UBND Xã Quý Lộc                                  |                |
| 68.1       | H56.168.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 68.2       | H56.168.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 68.3       | H56.168.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 68.4       | H56.168.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 69         | H56.169                         | UBND Xã Yên Ninh                                 |                |
| 69.1       | H56.169.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 69.2       | H56.169.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 69.3       | H56.169.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 69.4       | H56.169.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 70         | H56.170                         | UBND Xã Định Tân                                 |                |
| 70.1       | H56.170.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 70.2       | H56.170.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 70.3       | H56.170.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 70.4       | H56.170.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 71         | H56.171                         | UBND Xã Định Hòa                                 |                |
| 71.1       | H56.171.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 71.2       | H56.171.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 71.3       | H56.171.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 71.4       | H56.171.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 72         | H56.172                         | UBND Xã Thọ Xuân                                 |                |
| 72.1       | H56.172.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 72.2       | H56.172.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 72.3       | H56.172.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 72.4       | H56.172.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 73         | H56.173                         | UBND Xã Thọ Long                                 |                |
| 73.1       | H56.173.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 73.2       | H56.173.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 73.3       | H56.173.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 73.4       | H56.173.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 74         | H56.174                         | UBND Xã Xuân Hòa                                 |                |
| 74.1       | H56.174.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 74.2       | H56.174.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 74.3       | H56.174.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 74.4       | H56.174.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 75         | H56.175                         | UBND Xã Sao Vàng                                 |                |
| 75.1       | H56.175.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 75.2       | H56.175.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 75.3       | H56.175.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 75.4       | H56.175.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 76         | H56.176                         | UBND Xã Lam Sơn                                  |                |
| 76.1       | H56.176.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 76.2       | H56.176.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 76.3       | H56.176.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 76.4       | H56.176.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 77         | H56.177                         | UBND Xã Thọ Lập                                  |                |
| 77.1       | H56.177.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 77.2       | H56.177.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 77.3       | H56.177.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 77.4       | H56.177.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 78         | H56.178                         | UBND Xã Xuân Tín                                 |                |
| 78.1       | H56.178.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 78.2       | H56.178.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 78.3       | H56.178.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 78.4       | H56.178.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 79         | H56.179                         | UBND Xã Xuân Lập                                 |                |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 79.1       | H56.179.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 79.2       | H56.179.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 79.3       | H56.179.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 79.4       | H56.179.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 80         | H56.180                         | UBND Xã Vĩnh Lộc                                 |                |
| 80.1       | H56.180.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 80.2       | H56.180.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 80.3       | H56.180.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 80.4       | H56.180.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 81         | H56.181                         | UBND Xã Tây Đô                                   |                |
| 81.1       | H56.181.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 81.2       | H56.181.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 81.3       | H56.181.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 81.4       | H56.181.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 82         | H56.182                         | UBND Xã Biện Thượng                              |                |
| 82.1       | H56.182.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 82.2       | H56.182.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 82.3       | H56.182.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 82.4       | H56.182.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 83         | H56.183                         | UBND Xã Triệu Sơn                                |                |
| 83.1       | H56.183.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 83.2       | H56.183.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 83.3       | H56.183.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 83.4       | H56.183.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 84         | H56.184                         | UBND Xã Thọ Bình                                 |                |
| 84.1       | H56.184.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 84.2       | H56.184.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 84.3       | H56.184.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 84.4       | H56.184.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 85         | H56.185                         | UBND Xã Thọ Ngọc                                 |                |
| 85.1       | H56.185.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 85.2       | H56.185.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 85.3       | H56.185.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 85.4       | H56.185.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 86         | H56.186                         | UBND Xã Thọ Phú                                  |                |
| 86.1       | H56.186.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 86.2       | H56.186.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 86.3       | H56.186.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 86.4       | H56.186.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 87         | H56.187                         | UBND Xã Hợp Tiến                                 |                |
| 87.1       | H56.187.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 87.2       | H56.187.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 87.3       | H56.187.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 87.4       | H56.187.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 88         | H56.188                         | UBND Xã An Nông                                  |                |
| 88.1       | H56.188.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 88.2       | H56.188.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 88.3       | H56.188.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 88.4       | H56.188.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 89         | H56.189                         | UBND Xã Tân Ninh                                 |                |
| 89.1       | H56.189.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 89.2       | H56.189.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 89.3       | H56.189.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 89.4       | H56.189.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 90         | H56.190                         | UBND Xã Đồng Tiến                                |                |
| 90.1       | H56.190.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 90.2       | H56.190.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 90.3       | H56.190.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 90.4       | H56.190.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 91         | H56.191                         | UBND Xã Mường Chanh                              |                |
| 91.1       | H56.191.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 91.2       | H56.191.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 91.3       | H56.191.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 91.4       | H56.191.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 92         | H56.192                         | UBND Xã Quang Chiêu                              |                |
| 92.1       | H56.192.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 92.2       | H56.192.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 92.3       | H56.192.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 92.4       | H56.192.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 93         | H56.193                         | UBND Xã Tam chung                                |                |
| 93.1       | H56.193.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 93.2       | H56.193.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 93.3       | H56.193.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 93.4       | H56.193.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 94         | H56.194                         | UBND Xã Mường Lát                                |                |
| 94.1       | H56.194.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 94.2       | H56.194.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 94.3       | H56.194.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 94.5       | H56.194.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 95         | H56.195                         | UBND Xã Pù Nhi                                   |                |
| 95.1       | H56.195.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 95.2       | H56.195.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 95.3       | H56.195.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 95.4       | H56.195.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 96         | H56.196                         | UBND Xã Nhi Sơn                                  |                |
| 96.1       | H56.196.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 96.2       | H56.196.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 96.3       | H56.196.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 96.4       | H56.196.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 97         | H56.197                         | UBND Xã Mường Lý                                 |                |
| 97.1       | H56.197.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 97.2       | H56.197.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 97.3       | H56.197.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 97.4       | H56.197.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 98         | H56.198                         | UBND Xã Trung Lý                                 |                |
| 98.1       | H56.198.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 98.2       | H56.198.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 98.3       | H56.198.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 98.4       | H56.198.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 99         | H56.199                         | UBND Xã Hồi Xuân                                 |                |
| 99.1       | H56.199.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 99.2       | H56.199.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 99.3       | H56.199.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 99.4       | H56.199.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 100        | H56.200                         | UBND Xã Nam Xuân                                 |                |
| 100.1      | H56.200.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 100.2      | H56.200.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 100.3      | H56.200.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 100.4      | H56.200.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 101        | H56.201                         | UBND Xã Thiên Phú                                |                |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 101.1      | H56.201.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 101.2      | H56.201.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 101.3      | H56.201.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 101.4      | H56.201.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 102        | H56.202                         | UBND Xã Hiền Kiệt                                |                |
| 102.1      | H56.202.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 102.2      | H56.202.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 102.3      | H56.202.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 102.4      | H56.202.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 103        | H56.203                         | UBND Xã Phú Xuân                                 |                |
| 103.1      | H56.203.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 103.2      | H56.203.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 103.3      | H56.203.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 103.4      | H56.203.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 104        | H56.204                         | UBND Xã Phú Lệ                                   |                |
| 104.1      | H56.204.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 104.2      | H56.204.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 104.3      | H56.204.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 104.4      | H56.204.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 105        | H56.205                         | UBND Xã Trung Thành                              |                |
| 105.1      | H56.205.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 105.2      | H56.205.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 105.3      | H56.205.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 105.4      | H56.205.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 106        | H56.206                         | UBND Xã Trung Sơn                                |                |
| 106.1      | H56.206.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 106.2      | H56.206.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 106.3      | H56.206.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 106.4      | H56.206.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 107        | H56.207                         | UBND Xã Na Mèo                                   |                |
| 107.1      | H56.207.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 107.2      | H56.207.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 107.3      | H56.207.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 107.4      | H56.207.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 108        | H56.208                         | UBND Xã Sơn Thủy                                 |                |
| 108.1      | H56.208.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 108.2      | H56.208.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 108.3      | H56.208.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 108.4      | H56.208.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 109        | H56.209                         | UBND Xã Sơn Điện                                 |                |
| 109.1      | H56.209.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 109.2      | H56.209.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 109.3      | H56.209.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 109.4      | H56.209.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 110        | H56.210                         | UBND Xã Mường Mìn                                |                |
| 110.1      | H56.210.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 110.2      | H56.210.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 110.3      | H56.210.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 110.4      | H56.210.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 111        | H56.211                         | UBND Xã Tam Thanh                                |                |
| 111.1      | H56.211.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 111.2      | H56.211.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 111.3      | H56.211.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 111.4      | H56.211.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 112        | H56.212                         | UBND Xã Tam Lư                                   |                |
| 112.1      | H56.212.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 112.2      | H56.212.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 112.3      | H56.212.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 112.4      | H56.212.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 113        | H56.213                         | UBND Xã Quan Sơn                                 |                |
| 113.1      | H56.213.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 113.2      | H56.213.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 113.3      | H56.213.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 113.4      | H56.213.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 114        | H56.214                         | UBND Xã Trung Hạ                                 |                |
| 114.1      | H56.214.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 114.2      | H56.214.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 114.3      | H56.214.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 114.4      | H56.214.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 115        | H56.215                         | UBND Xã Linh Sơn                                 |                |
| 115.1      | H56.215.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 115.2      | H56.215.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 115.3      | H56.215.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 115.4      | H56.215.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 116        | H56.216                         | UBND Xã Đồng Lương                               |                |
| 116.1      | H56.216.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 116.2      | H56.216.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 116.3      | H56.216.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 116.4      | H56.216.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 117        | H56.217                         | UBND Xã Văn Phú                                  |                |
| 117.1      | H56.217.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 117.2      | H56.217.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 117.3      | H56.217.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 117.4      | H56.217.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 118        | H56.218                         | UBND Xã Giao An                                  |                |
| 118.1      | H56.218.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 118.2      | H56.218.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 118.3      | H56.218.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 118.4      | H56.218.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 119        | H56.219                         | UBND Xã Yên Khương                               |                |
| 119.1      | H56.219.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 119.2      | H56.219.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 119.3      | H56.219.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 119.4      | H56.219.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 120        | H56.220                         | UBND Xã Yên Thắng                                |                |
| 120.1      | H56.220.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 120.2      | H56.220.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 120.3      | H56.220.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 120.4      | H56.220.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 121        | H56.221                         | UBND Xã Văn Nho                                  |                |
| 121.1      | H56.221.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 121.2      | H56.221.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 121.3      | H56.221.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 121.4      | H56.221.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 122        | H56.222                         | UBND Xã Thiết Ống                                |                |
| 122.1      | H56.222.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 122.2      | H56.222.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 122.3      | H56.222.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 122.4      | H56.222.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 123        | H56.223                         | UBND Xã Bá Thước                                 |                |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 123.1      | H56.223.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 123.2      | H56.223.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 123.3      | H56.223.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 123.4      | H56.223.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 124        | H56.224                         | UBND Xã Cổ Lũng                                  |                |
| 124.1      | H56.224.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 124.2      | H56.224.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 124.3      | H56.224.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 124.4      | H56.224.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 125        | H56.225                         | UBND Xã Pù Luông                                 |                |
| 125.1      | H56.225.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 125.2      | H56.225.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 125.3      | H56.225.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 125.4      | H56.225.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 126        | H56.226                         | UBND Xã Điện Lư                                  |                |
| 126.1      | H56.226.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 126.2      | H56.226.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 126.3      | H56.226.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 126.4      | H56.226.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 127        | H56.227                         | UBND Xã Điện Quang                               |                |
| 127.1      | H56.227.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 127.2      | H56.227.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 127.3      | H56.227.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 127.4      | H56.227.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 128        | H56.228                         | UBND Xã Quý Lương                                |                |
| 128.1      | H56.228.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 128.2      | H56.228.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 128.3      | H56.228.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 128.4      | H56.228.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 129        | H56.229                         | UBND Xã Ngọc Lặc                                 |                |
| 129.1      | H56.229.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 129.2      | H56.229.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 129.3      | H56.229.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 129.4      | H56.229.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 130        | H56.230                         | UBND Xã Thạch Lập                                |                |
| 130.1      | H56.230.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 130.2      | H56.230.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 130.3      | H56.230.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 130.4      | H56.230.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 131        | H56.231                         | UBND Xã Ngọc Liên                                |                |
| 131.1      | H56.231.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 131.2      | H56.231.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 131.3      | H56.231.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 131.4      | H56.231.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 132        | H56.232                         | UBND Xã Minh Sơn                                 |                |
| 132.1      | H56.232.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 132.2      | H56.232.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 132.3      | H56.232.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 132.4      | H56.232.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 133        | H56.233                         | UBND Xã Nguyệt Ấn                                |                |
| 133.1      | H56.233.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 133.2      | H56.233.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 133.3      | H56.233.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 133.4      | H56.233.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 134        | H56.234                         | UBND Xã Kiên Thọ                                 |                |
| 134.1      | H56.234.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 134.2      | H56.234.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 134.3      | H56.234.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 134.4      | H56.234.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 135        | H56.235                         | UBND Xã Cẩm Thạch                                |                |
| 135.1      | H56.235.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 135.2      | H56.235.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 135.3      | H56.235.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 135.4      | H56.235.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 136        | H56.236                         | UBND Xã Cẩm Thủy                                 |                |
| 136.1      | H56.236.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 136.2      | H56.236.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 136.3      | H56.236.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 136.4      | H56.236.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 137        | H56.237                         | UBND Xã Cẩm Tú                                   |                |
| 137.1      | H56.237.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 137.2      | H56.237.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 137.3      | H56.237.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 137.4      | H56.237.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 138        | H56.238                         | UBND Xã Cẩm Vân                                  |                |
| 138.1      | H56.238.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 138.2      | H56.238.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 138.3      | H56.238.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 138.4      | H56.238.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 139        | H56.239                         | UBND Xã Cẩm Tân                                  |                |
| 139.1      | H56.239.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 139.2      | H56.239.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 139.3      | H56.239.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 139.4      | H56.239.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 140        | H56.240                         | UBND Xã Kim Tân                                  |                |
| 140.1      | H56.240.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 140.2      | H56.240.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 140.3      | H56.240.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 140.4      | H56.240.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 141        | H56.241                         | UBND Xã Vân Du                                   |                |
| 141.1      | H56.241.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 141.2      | H56.241.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 141.3      | H56.241.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 141.4      | H56.241.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 142        | H56.242                         | UBND Xã Ngọc Trạo                                |                |
| 142.1      | H56.242.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 142.2      | H56.242.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 142.3      | H56.242.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 142.4      | H56.242.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 143        | H56.243                         | UBND Xã Thạch Bình                               |                |
| 143.1      | H56.243.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 143.2      | H56.243.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 143.3      | H56.243.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 143.4      | H56.243.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 144        | H56.244                         | UBND Xã Thành Vinh                               |                |
| 144.1      | H56.244.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 144.2      | H56.244.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 144.3      | H56.244.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 144.4      | H56.244.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 145        | H56.245                         | UBND Xã Thạch Quảng                              |                |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 145.1      | H56.245.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 145.2      | H56.245.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 145.3      | H56.245.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 145.4      | H56.245.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 146        | H56.246                         | UBND Xã Như Xuân                                 |                |
| 146.1      | H56.246.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 146.2      | H56.246.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 146.3      | H56.246.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 146.4      | H56.246.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 147        | H56.247                         | UBND Xã Thượng Ninh                              |                |
| 147.1      | H56.247.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 147.2      | H56.247.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 147.3      | H56.247.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 147.4      | H56.247.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 148        | H56.248                         | UBND Xã Xuân Bình                                |                |
| 148.1      | H56.248.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 148.2      | H56.248.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 148.3      | H56.248.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 148.4      | H56.248.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 149        | H56.249                         | UBND Xã Hóa Quỳ                                  |                |
| 149.1      | H56.249.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 149.2      | H56.249.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 149.3      | H56.249.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 149.4      | H56.249.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 150        | H56.250                         | UBND Xã Thanh Quân                               |                |
| 150.1      | H56.250.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 150.2      | H56.250.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 150.3      | H56.250.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 150.4      | H56.250.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 151        | H56.251                         | UBND Xã Thanh Phong                              |                |
| 151.1      | H56.251.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 151.2      | H56.251.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 151.3      | H56.251.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 151.4      | H56.251.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 152        | H56.252                         | UBND Xã Xuân Du                                  |                |
| 152.1      | H56.252.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 152.2      | H56.252.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 152.3      | H56.252.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 152.4      | H56.252.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 153        | H56.253                         | UBND Xã Mậu Lâm                                  |                |
| 153.1      | H56.253.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 153.2      | H56.253.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 153.3      | H56.253.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 153.4      | H56.253.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 154        | H56.254                         | UBND Xã Như Thanh                                |                |
| 154.1      | H56.254.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 154.2      | H56.254.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 154.3      | H56.254.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 154.4      | H56.254.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 155        | H56.255                         | UBND Xã Yên Thọ                                  |                |
| 155.1      | H56.255.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 155.2      | H56.255.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 155.3      | H56.255.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 155.4      | H56.255.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 156        | H56.256                         | UBND Xã Xuân Thái                                |                |
| 156.1      | H56.256.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 156.2      | H56.256.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 156.3      | H56.256.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 156.4      | H56.256.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 157        | H56.257                         | UBND Xã Thanh Kỳ                                 |                |
| 157.1      | H56.257.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 157.2      | H56.257.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 157.3      | H56.257.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 157.4      | H56.257.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 158        | H56.258                         | UBND Xã Bát Mọt                                  |                |
| 158.1      | H56.258.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 158.2      | H56.258.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 158.3      | H56.258.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 158.4      | H56.258.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 159        | H56.259                         | UBND Xã Yên Nhân                                 |                |
| 159.1      | H56.259.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 159.2      | H56.259.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 159.3      | H56.259.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 159.4      | H56.259.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 160        | H56.260                         | UBND Xã Lương Sơn                                |                |
| 160.1      | H56.260.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 160.2      | H56.260.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 160.3      | H56.260.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 160.4      | H56.260.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 161        | H56.261                         | UBND Xã Thường Xuân                              |                |
| 161.1      | H56.261.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 161.2      | H56.261.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 161.3      | H56.261.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 161.4      | H56.261.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 162        | H56.262                         | UBND Xã Luận Thành                               |                |
| 162.1      | H56.262.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 162.2      | H56.262.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 162.3      | H56.262.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |

| <b>STT</b> | <b>Mã định danh<br/>điện tử</b> | <b>Tên cơ quan, đơn vị<br/>trên địa bàn tỉnh</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|---------------------------------|--------------------------------------------------|----------------|
| 162.4      | H56.262.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 163        | H56.263                         | UBND Xã Tân Thành                                |                |
| 163.1      | H56.263.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 163.2      | H56.263.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 163.3      | H56.263.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 163.4      | H56.263.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 164        | H56.264                         | UBND Xã Vạn Xuân                                 |                |
| 164.1      | H56.264.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 164.2      | H56.264.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 164.3      | H56.264.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 164.4      | H56.264.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 165        | H56.265                         | UBND Xã Thắng Lợi                                |                |
| 165.1      | H56.265.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 165.2      | H56.265.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 165.3      | H56.265.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 165.4      | H56.265.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |
| 166        | H56.266                         | UBND Xã Xuân Chinh                               |                |
| 166.1      | H56.266.01                      | Văn phòng HĐND và UBND                           | Cấp mới        |
| 166.2      | H56.266.02                      | Phòng Kinh tế                                    | Cấp mới        |
| 166.3      | H56.266.03                      | Phòng Văn hóa - Xã hội                           | Cấp mới        |
| 166.4      | H56.266.04                      | Trung tâm Phục vụ Hành chính công                | Cấp mới        |